

LƯỢNG GIÁ FUGL-MEYER CHI TRÊN (FMA-UE)

Lượng giá chức năng cảm giác vận động

Mã số người bệnh:

Ngày lượng giá:

Chuyên viên lượng giá:

Fugl-Meyer AR, Jaasko L, Leyman I, Olsson S, Steglind S: The post-stroke hemiplegic patient. A method for evaluation of physical performance. Scand J Rehabil Med 1975, 7:13-31

A. CHI TRÊN, tư thế ngồi				
I. Hoạt động phản xạ		Không có	Có thể xuất hiện phản xạ	
Các cơ gấp: cơ nhị đầu cánh tay và các cơ gấp ngón tay (ít nhất một)		0	2	
Các cơ duỗi: cơ tam đầu cánh tay		0	2	
Tổng phụ I (tối đa 4)				
II. Cử động chủ ý trong mẫu đồng vận, không có trợ giúp của trọng lực		Không có	Một phần	Toàn bộ
Mẫu đồng vận gấp: đưa bàn tay từ đầu gối bên đối diện lên đến tai cùng bên. Chuyển từ mẫu đồng vận duỗi (khép/xoay trong vai, duỗi khuỷu tay, quay sấp cẳng tay) sang mẫu đồng vận gấp (dang/xoay ngoài vai, gấp khuỷu tay, ngửa cẳng tay).	Chuyển động ra sau	0	1	2
	Nâng	0	1	2
	Dang (90°)	0	1	2
	Xoay ngoài	0	1	2
	Gập	0	1	2
	Quay ngửa	0	1	2
Mẫu đồng vận duỗi: đưa tay từ tai cùng bên sang đầu gối bên đối diện	Khép /xoay trong	0	1	2
	Duỗi	0	1	2
	Quay sấp	0	1	2
Tổng phụ II (Tối đa 18)				
III. Cử động chủ ý kết hợp các mẫu đồng vận, không bù trừ		Không có	Một phần	Toàn bộ
Tay đến cột sống thất lưng Đặt tay lên đùi	Không thực hiện được hoặc tay ở phía trước gai chậu trước trên	0	1	2
	Tay ra phía sau gai chậu trước trên (không bù trừ)			
	Tay đến cột sống thất lưng (không bù trừ)			
Gập vai từ 0° đến 90° khuỷu tay ở 0° Quay sấp- quay ngửa ở 0°	Dang hoặc gấp khuỷu tay ngay lập tức	0	1	2
	Dang hoặc gấp khuỷu tay trong cử động gập 90°			
	Không dang vai hoặc gấp khuỷu tay			

Quay sấp–quay ngửa khuỷu tay ở 90° vai ở 0°	Không quay sấp/quay ngửa, không đặt được tư thế bắt đầu Quay sấp/quay ngửa hạn chế, duy trì được tư thế bắt đầu Quay sấp/quay ngửa hoàn toàn, duy trì được tư thế bắt đầu	0	1	2
Tổng phụ III (tối đa 6)				
IV. Cử động chủ ý với ít hoặc không có mẫu đồng vận		Không có	Một phần	Toàn bộ
Dang vai 0 - 90° Khuỷu tay ở 0° Cẳng tay trung tính	Quay ngửa hoặc gập khuỷu tay ngay lập tức Quay ngửa hoặc gập khuỷu tay trong cử động Dang 90°, duy trì duỗi và quay sấp	0	1	2
Gập vai 90° - 180° Khuỷu tay ở 0° Quay sấp –quay ngửa 0°	Dang hoặc gập khuỷu tay ngay lập tức Dang hoặc gập khuỷu tay trong khi cử động Gập 180°, không dang vai hoặc gập khuỷu tay	0	1	2
Quay sấp/quay ngửa Khuỷu tay ở 0° Vai gập khoảng 30°	Không quay sấp/ quay ngửa, không đặt được tư thế bắt đầu Quay sấp/quay ngửa hạn chế, duy trì được tư thế bắt đầu Quay sấp/ quay ngửa toàn bộ, duy trì được tư thế bắt đầu	0	1	2
Tổng phụ IV (tối đa 6)				
V. Hoạt động phản xạ bình thường chỉ lượng giá nếu đạt 6 điểm ở phần IV; so sánh với bên không bị ảnh hưởng		Rất mạnh	Tăng	Bình thường
Cơ nhị đầu cánh tay, cơ tam đầu cánh tay, các cơ gập ngón tay	2 trong 3 phản xạ tăng hoạt động rất mạnh rõ rệt 1 phản xạ tăng rất mạnh rõ rệt hoặc ít nhất 2 phản xạ tăng Tối đa 1 phản xạ tăng, không có phản xạ tăng rất mạnh	0	1	2
Tổng phụ V (tối đa 2)				
Tổng điểm phần A (tối đa 36)				

B. CỔ TAY có thể nâng đỡ tại khuỷu tay để đặt hoặc giữ tư thế ban đầu, không nâng đỡ cổ tay, kiểm tra tầm vận động thụ động trước khi thử nghiệm		Không có	Một phần	Toàn bộ
Ổn định ở tư thế gập mặt lưng 15° khuỷu tay ở 90°, cẳng tay quay sấp, vai ở 0°	Gập mặt lưng chủ động ít hơn 15°	0	1	2
	Gập mặt lưng 15°, không chịu được đề kháng			
	Duy trì tư thế gập mặt lưng chống lại đề kháng			
Lặp lại gập mặt lưng/ mặt lòng khuỷu tay ở 90°, cẳng tay quay sấp vai ở 0°, ngón tay gập nhẹ	Không thể thực hiện theo chủ ý	0	1	2
	Hạn chế tầm vận động chủ động			
	Tầm vận động chủ động hoàn toàn, trơn tru			

Ổn định ở tư thế gấp mặt lưng 15° khủy tay ở 0°, cẳng tay quay sấp vai gấp/dang nhẹ	Gập mặt lưng chủ động ít hơn 15° Gập mặt lưng 15°, không chịu được đề kháng Duy trì gập mặt lưng chống lại đề kháng	0	1	2
Lặp lại gập mặt lưng/ mặt lòng khủy tay ở 0°, cẳng tay quay sấp vai gấp/dang nhẹ	Không thể thực hiện theo chủ ý Hạn chế tầm vận động chủ động Tầm vận động chủ động hoàn toàn, trơn tru	0	1	2
Xoay vòng khủy tay ở 90°, cẳng tay quay sấp, vai ở 0°	Không thể thực hiện theo chủ ý Cử động giật cục hoặc không hoàn toàn Xoay vòng hoàn toàn và trơn tru	0	1	2
Tổng điểm phần B (tối đa 10)				

C. BÀN TAY có thể nâng đỡ khủy tay để giữ tư thế khủy gấp 90°, không nâng đỡ cổ tay, so sánh với tay không bị ảnh hưởng, các vật được đặt xen kẽ, tự chủ động cầm nắm.		Không có	Một phần	Toàn bộ
Gập hoàn toàn từ duỗi chủ động hoặc thụ động hoàn toàn		0	1	2
Duỗi hoàn toàn từ gập chủ động hoặc thụ động hoàn toàn		0	1	2
NẮM TAY				
a. Nắm móc câu gập khớp liên đốt gần (PIP) và liên đốt xa (DIP) của các ngón từ II đến V, duỗi khớp bàn – ngón (MCP) của các ngón từ II-V	Không thể thực hiện được Có thể giữ được tư thế nhưng yếu Giữ được tư thế chống lại đề kháng	0	1	2
b. Khép ngón cái khớp CMC, MCP và IP của ngón I ở 0°. Đặt một mảnh giấy giữa ngón cái và khớp MCP của ngón II	Không thể thực hiện được Có thể cầm được giấy nhưng không giữ được khi kéo ra mạnh Cầm được giấy khi kéo ra mạnh	0	1	2
c. Nắm kẹp đầu ngón, đối ngón đầu ngón cái áp vào đầu ngón trỏ, kẹp một cây bút chì, kéo lên trên	Không thể thực hiện được Có thể cầm được bút chì nhưng không giữ được khi kéo ra mạnh Cầm được bút chì khi kéo ra mạnh	0	1	2
d. Nắm hình trụ cầm một vật hình trụ (một cái lon nhỏ), kéo lên trên, ngón cái đối diện các ngón tay	Không thể thực hiện được Có thể cầm được vật hình trụ nhưng không giữ được khi kéo ra mạnh Cầm được vật hình trụ khi kéo ra mạnh	0	1	2
e. Nắm hình cầu các ngón tay dang/gập, ngón cái đối diện, cầm một quả bóng tennis, kéo ra.	Không thể thực hiện được Có thể cầm được quả bóng nhưng không giữ được khi kéo ra mạnh Cầm được quả bóng khi kéo ra mạnh	0	1	2
Tổng điểm phần C (tối đa 14)				

D. PHỐI HỢP/TỐC ĐỘ: ngồi, sau một lần thử với cả hai tay, nhắm mắt, dùng đầu ngón trỏ đưa từ đầu gối lên mũi, thực hiện 5 lần nhanh hết mức có thể.		Rõ rệt	Ít	Không
Run		0	1	2
Loạn tâm	Rõ rệt hoặc không có hệ thống	0		
	Nhẹ và có hệ thống		1	
	Không loạn tâm			2
		≥ 6 giây	2-5 giây	< 2 giây
Thời gian bắt đầu và kết thúc với bàn tay đặt trên đầu gối	Chậm hơn bên không bị ảnh hưởng từ 6 giây trở lên	0		
	Chậm hơn bên không bị ảnh hưởng từ 2 đến 5 giây		1	
	Chênh lệch ít hơn 2 giây			2
Tổng điểm phần D (tối đa 6)				

Tổng điểm từ A đến D (tối đa 66)	
---	--

H. CẢM GIÁC, chi trên nhắm mắt, so sánh với bên không bị ảnh hưởng		Mất cảm giác	Giảm cảm giác hoặc loạn cảm giác	Bình thường
Chạm nhẹ	Cánh tay trên, cẳng tay	0	1	2
	Mặt lòng bàn tay	0	1	2
		Dưới 3/4 lần đúng hoặc không có	3/4 lần đúng hoặc có sự khác biệt đáng kể	Đúng 100%, rất ít hoặc không có sự khác biệt
Vị trí có những thay đổi nhỏ trong vị trí	Vai	0	1	2
	Khuỷu tay	0	1	2
	Cổ tay	0	1	2
	Ngón cái (khớp liên đốt)	0	1	2
Tổng điểm phần H (tối đa 12)				

I. VẬN ĐỘNG KHỚP THỤ ĐỘNG, chi trên, tư thế ngồi, so sánh với bên không bị ảnh hưởng				J. ĐAU KHỚP khi vận động thụ động, chi trên		
	Chỉ vài độ (dưới 10° ở vai)	Giảm	Bình thường	Đau rõ rệt khi cử động hoặc đau rất nhiều ở cuối tầm cử động	Đau nhẹ	Không đau
Vai						
Gập (0°-180°)	0	1	2	0	1	2
Dang (0° - 90°)	0	1	2	0	1	2
Xoay ngoài	0	1	2	0	1	2
Xoay trong	0	1	2	0	1	2
Khuỷu tay						
Gập	0	1	2	0	1	2
Duỗi	0	1	2	0	1	2
Cẳng tay						
Quay sấp	0	1	2	0	1	2
Quay ngửa	0	1	2	0	1	2

Cổ tay						
Gập	0	1	2	0	1	2
Duỗi	0	1	2	0	1	2
Ngón tay						
Gập	0	1	2	0	1	2
Duỗi	0	1	2	0	1	2
Tổng điểm (tối đa 24)				Tổng điểm (tối đa 24)		

A. CHI TRÊN	/36
B. CỔ TAY	/10
C. BÀN TAY	/14
D. PHỐI HỢP / TỐC ĐỘ	/6
TỔNG ĐIỂM từ A đến D (chức năng vận động)	/66

H. CẢM GIÁC	/12
I. VẬN ĐỘNG KHỚP THỤ ĐỘNG	/24
J. ĐAU KHỚP	/24